|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: ..…../2023/NQ-HĐND**DỰ THẢO**  | *Đồng Nai, ngày* ..… *tháng 3 năm 2023* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng quản lý, bảo vệ rừng**

**trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2027**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**KHÓA X KỲ HỌP THỨ ….**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.*

*Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức trực tiếp làm chuyên môn được xếp lương theo mã ngạch thuộc các ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 64/2006/TTLT-BNN-BNV-BTC ngày 25/8/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng”.*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày … tháng … năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số…… /BC-HĐND ngày ……..tháng ……. năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ đối với viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đồng Nai và UBND các huyện, thành phố có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2027.

2. Đối tượng áp dụng

a. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng làm việc tại các Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành, Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc, Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đồng Nai và Trung tâm Văn hóa, Thông tin -Thể thao huyện Xuân Lộc trực thuộc UBND huyện Xuân Lộc.

b. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp khác đang làm việc tại các Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành, Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Đồng Nai.

**Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ**

1. Chi hỗ trợ đối với lực lượng quản lý, bảo vệ rừng thuộc đối tượng quy định tại điểm a và điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định này được trả cùng kỳ lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

2. Đối tượng quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị định này được hỗ trợ như sau:

- Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp quản lý bảo vệ rừng viên chính, hạng II, mã số: V.03.10.28, mức hỗ trợ: 3.200.000 đồng/người/tháng.

- Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp quản lý bảo vệ rừng viên, hạng III, mã số: V.03.10.29, mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/tháng.

- Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp kỹ thuật viên bảo vệ rừng, hạng IV– mã số: V.03.10.30, mức hỗ trợ: 2.800.000 đồng/người/tháng.

3. Đối tượng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định này được hỗ trợ như sau:

- Viên chức có trình độ từ đại học trở lên: 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Viên chức có trình độ dưới Đại học: 1.400.000 đồng/người/tháng.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ Ngân sách tỉnh.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2023./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ủy ban thường vụ Quốc hội;- Chính phủ;- Văn phòng Quốc hội;- Văn phòng Chính phủ;- Cục kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;- Các Sở, ban, ngành tỉnh;- Văn phòng Tỉnh ủy- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;- Văn phòng UBND tỉnh;- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH****Thái Bảo** |